

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 413/2020/HC-PT

Ngày: 27-5-2020

V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Kim Phụng
Bà Lê Thị Thương Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Bà Trần Thị Thúy Ái – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 13 và ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ L số:
16/2020/TLPT-HC ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định
hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HC-ST ngày 26 tháng 11 năm
2019 của Tòa án nhân dân Quận A1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1787/2020/QĐ-PT ngày
23 tháng 4 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 4433/2020/QĐPT-HC
ngày 13 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Vũ Hồng T

Trú tại: phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Vũ Xuân C – Đoàn Luật
sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A

Cùng địa chỉ: phường T1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ủy ban nhân dân phường B, Quận A1;

Địa chỉ: phường B, Quận A1,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Nhất V.

2/ Bà Hồ Thị L;

Trú tại: phường B, Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Vũ Xuân C – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Ông Vũ Hồng T – Người khởi kiện và bà Hồ Thị L – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện ông Vũ Hồng T trình bày:

Ông và bà Hồ Thị L nguyên trước đây là vợ chồng. Trong thời gian chung sống, vào năm 1992 vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn R phần đất có diện tích 1.035,3 m², cùng năm 1992 vợ chồng ông đã cất nhà và sử dụng ổn định, căn nhà phường B, Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2007, ông và bà Hồ Thị L đã ly hôn theo quyết định số 08/2007/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2007 của Tòa án nhân dân Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh. Trước khi có quyết định ly hôn, ngày 02/01/2007 ông và bà Hồ Thị L đã tự phân chia tài sản là nhà và đất nêu trên. Theo đó ông sử dụng 270m² đất và 1 phần phía trước căn nhà phường B, Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Hồ Thị L sử dụng khoảng 338 m² và 1 phần phía sau nhà phường B, Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì nhà đất nằm trong khu quy hoạch giải tỏa nên Ủy ban nhân dân Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 13/4/2011 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho ông và bà Hồ Thị L (chung một hồ sơ). Ngày 16/11/2011, Ủy ban nhân dân Quận A1 ban hành Quyết định 14665/QĐ-UBND về việc hỗ trợ thiệt hại bổ sung đối với ông và bà Hồ Thị L. Ngày 16/01/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 ban hành Quyết định số 894/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ông và bà Hồ Thị L đã ly hôn và tự phân chia tài sản từ năm 2007, do đó việc Ủy ban nhân dân Quận A1 lập hồ sơ đền bù cho ông và bà Hồ Thị L chung 01 hồ sơ là không đúng. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Luật Nhà ở: “Trong thời gian khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện, tổ chức, cá nhân vẫn phải thi hành quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ quyết định cưỡng chế phá dỡ nhà ở”. Do đó việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1

ban hành Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 16/04/2012 về việc cưỡng chế nhà đất của ông là trái pháp luật, gây thiệt hại cho gia đình ông nên ông yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 phải bồi thường thiệt hại.

Nay ông yêu cầu Tòa án hủy các quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 13/4/2011 của Ủy ban nhân dân Quận A1 và Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 16/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1. Yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận A1 lập hồ sơ đền bù riêng cho ông và bà Hồ Thị L. Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 phải bồi thường thiệt hại do cưỡng chế trái pháp luật cho ông và bà Hồ Thị L tổng số tiền là 4.663.970.000 đồng, bồi thường ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận A1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 có ý kiến như sau:

Theo nội dung Giấy xác nhận tình trạng pháp L nhà đất số 339/UBND-XN ngày 27/12/2010 của Ủy ban nhân dân phường B đối với hộ ông Vũ Hồng T, bà Hồ Thị L thì: Đất do ông Nguyễn Văn Viết khai hoang và sử dụng từ trước năm 1975, sau đó cho lại con là ông Nguyễn Văn R đăng ký sử dụng. Tháng 11/1992, ông R sang nhượng cho ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L một phần đất trên để sử dụng. Năm 1999, ông T kê khai nhà, đất theo Quyết định 3376/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố với diện tích đất khuôn viên là 1035.3m², trong đó diện tích xây dựng là 206m² với kết cấu tường gạch, nền gạch bông, mái tole.

Ngày 05/8/2000, ông T sang nhượng bằng giấy tay cho bà Nguyễn Thị N 304m² đất (trong đó có căn nhà diện tích 50m²). Đến ngày 20/8/2000, ông T sang nhượng giấy tay cho ông Nguyễn Văn H 136m² đất (trong đó có căn nhà diện tích 25m²).

Ngày 01/02/2007, Tòa án nhân dân Quận A1 có Quyết định số 08/2007/QĐST-HNGĐ công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L.

Theo các bản vẽ hiện trạng vị trí phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng do Công ty TNHH DV TM Đo đạc Tà Phú lập ngày 10/11/2010, ngày 08/12/2010, đã được cán bộ Địa chính – Xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân phường B kiểm tra ngày 01/12/2010, ngày 09/12/2010 thì tổng diện tích đất khuôn viên căn nhà trên là 616.43m² bao gồm 266.3m² đất do ông T sử dụng, 350.13m² đất do bà L sử dụng (trong đó có 21.63m² đất đang có tranh chấp với bà Nguyễn Thị N). Diện tích sàn xây dựng căn nhà là 628.54m².

Qua kiểm tra, theo kết luận cuộc họp của Tổ thẩm định ngày 08/12/2010 thì phần đất trên (trừ 21.63m² đất đang có tranh chấp với bà Nguyễn Thị N) gồm

423.4m² thuộc một phần thửa 245, 246 do ông T và bà L sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay, không tranh chấp, không lấn chiếm và 171.4m² rạch do ông T và bà L chiếm dụng và sử dụng từ năm 1992 và sử dụng đến nay.

Đối với căn nhà được sửa chữa, xây dựng thêm vào các thời điểm sau:

- Trên phần đất bà L sử dụng (bản vẽ hiện trạng vị trí do Công ty TMDV Đo đạc Tạ Phú lập ngày 08/12/2010): Ô số 2 xây dựng lại toàn bộ vào năm 2006 và bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 17/QĐ-UB ngày 18/01/2007 của Ủy ban nhân dân phường B; Ô số 3, 6 và 7 được xây dựng năm 2006; Ô số 5 được xây dựng từ năm 1992.

- Trên phần đất ông T sử dụng (bản vẽ hiện trạng vị trí do Công ty TMDV Đo đạc Tạ Phú lập ngày 10/11/2010): Ô số 5, 8 và 9 được xây dựng vào năm 2006. Ô số 2 được xây dựng lại vào năm 2000 bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 796/QĐ-UB-QLĐT ngày 11/4/2000, số 1281/QĐ-UB-QLĐT ngày 05/5/2000 của Ủy ban nhân dân Quận A1 và đến đầu năm 2010, ông T tiếp tục xây dựng lại phần nhà trên và sử dụng đến nay. Ô số 3, 4, 6, 7 và 11 được xây dựng vào năm 2000 bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 2634/QĐ-UB-QLĐT ngày 05/10/2000 của Ủy ban nhân dân Quận A1 với diện tích bị xử phạt là 91.08m² thuộc ô số 3, ô số 4, ô số 6 và một phần ô số 7. Ô số 12 được xây dựng sau năm 2002.

Nhà, đất hiện tại đang có tranh chấp, khiếu nại với hộ bà Nguyễn Thị N trên phần đất diện tích 21.63m² (thể hiện trên Bản vẽ hiện trạng vị trí phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng do Công ty TNHH DVTM Đo đạc Tạ Phú lập ngày 08/12/2010 đã được cán bộ Địa chính - Xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân phường B kiểm tra ngày 09/12/2010).

Từ cơ sở xác nhận nguồn gốc pháp L nhà, đất nêu trên của Ủy ban nhân dân phường B. Ngày 13/4/2011, Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Vòng xoay chân cầu Sài Gòn ký duyệt Bảng chiết tính số 133/BA cho ông T và bà L như sau:

A. Bồi thường, hỗ trợ về đất:

- Đất ở sử dụng từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993, vị trí mặt tiền đường Trần Nãi (đã trừ 20% tiền sử dụng đất):

$$200\text{m}^2 \times 3.440.000\text{đ/m}^2 = 688.000.000 \text{ đồng.}$$

- Đất nông nghiệp, vị trí mặt tiền đường Trần Nãi:

$$223,40\text{m}^2 \times 300.000\text{đ/m}^2 = 67.020.000 \text{ đồng.}$$

- Đất nông nghiệp chiếm dụng trước ngày 15/10/1993, vị trí mặt tiền đường Trần Nãi: $171,40\text{m}^2 \times 300.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 0,8 = 41.136.000$ đồng.

- Diện tích đang tranh chấp với hộ bà Nguyễn Thị N: $21,63\text{m}^2$, chưa giải quyết.

B. Công trình xây dựng và vật kiến trúc: $= 107.816.280$ đồng.

C. Trang thiết bị và tài sản khác: $= 2.900.000$ đồng.

E. Các khoản hỗ trợ khác: $= 10.000.000$ đồng.

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: $916.872.280$ đồng.

Ngày 13/4/2011, Ủy ban nhân dân Quận A1 ban hành Quyết định số 4752/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L là chủ sử dụng căn nhà số 18 đường Trần Nãi, khu phố 2, phường B, Quận A1 với số tiền là $916.872.280$ đồng. Về chính sách tái định cư: Ông T và bà L được mua nền đất hoặc căn hộ chung cư theo giá tái định cư với diện tích tiêu chuẩn là: 200m^2 .

Ngày 13/4/2011, Ủy ban nhân dân Quận A1 ban hành Quyết định số 4752A/QĐ-UBND về hỗ trợ mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm ngân hàng trên giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, đất đối với ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L với tổng giá trị lãi suất được hỗ trợ là: $857.979.790$ đồng.

Ngày 26/9/2011, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận A1 đã gửi toàn bộ số tiền $1.774.852.070$ đồng (trong đó có $916.872.280$ đồng tiền bồi thường, hỗ trợ và $857.979.790$ đồng tiền lãi suất) của hộ ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L vào Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa – Chi nhánh Sài Gòn – Phòng giao dịch Trần Nãi theo hình thức tiết kiệm bậc thang do Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận A1 tạm đứng tên.

Ngày 16/11/2011, Ủy ban nhân dân Quận A1 ban hành Quyết định số 14665/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung là: $6.489.000$ đồng.

Ngày 18/11/2011, Ủy ban nhân dân Quận A1 ban hành Quyết định số 14943/QĐ-UBND về hỗ trợ mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm ngân hàng trên giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, đất bổ sung đối với ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L với tổng giá trị lãi suất được hỗ trợ bổ sung là: $7.130.962$ đồng. Cùng ngày ngày 18/11/2011, Ủy ban nhân dân Quận A1 ban hành Thông báo số 1797/TB-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư để thu hồi đất đối với hộ ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L.

Ngày 01/02/2012, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận A1 đã gửi tiếp số tiền 13.619.962 đồng (*Trong đó có tiền hỗ trợ bổ sung 6.489.000 đồng và lãi phát sinh bổ sung 7.130.962 đồng*) của hộ ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L vào Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa – Chi nhánh Sài Gòn – Phòng giao dịch Trần Nãi theo hình thức tiết kiệm bậc thang do Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận A1 tạm đứng tên.

Việc áp giá, chiết tính giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho hộ ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L đã được Ủy ban nhân dân Quận A1 thực hiện đúng theo Phương án giá số 67/PAG-HĐBT ngày 11/6/2004 của Hội đồng bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng Quận A1 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án xây dựng Công viên vòng xoay chân cầu Sài Gòn; đồng thời công tác tiếp xúc, áp giá chiết tính được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 ban hành Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 16/01/2012 là phù hợp trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất quy định tại Điều 37 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ, Điều 39 Luật Đất đai, điều 32 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ, Điều 45 Quyết định 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về việc ông Vũ Hồng T yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi cưỡng chế trái luật gây ra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 có ý kiến như sau: Quyết định 894/QĐ-UBND ngày 16/01/2012 được ban hành đúng theo quy định của pháp luật nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông T. Hiện toàn bộ tài sản của ông T đã được chuyển về bảo quản tại căn hộ số 025 và 125 Lô A5, khu tạm cư 01 ha Thủ Thiêm, phường An Phú, Quận A1 do ông T và bà L không nhận tài sản.

Về ranh quy hoạch: Ngày 5/3/2018, Sở kế hoạch kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 956/SQHKT- QHKTT về ý kiến bổ sung quy hoạch đối với khu đất 18, Trần Nãi của ông Vũ Hồng T qua đó khẳng định lại: “Vị trí khu đất thuộc quy hoạch khu công viên cây xanh và đường giao thông”.

Do đó, Ủy ban nhân dân Quận A1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 đề nghị Tòa án giữ nguyên nội dung Quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 13/04/2011 của Ủy ban nhân dân Quận A1, Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 16/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc cưỡng chế thu hồi đất và không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Vũ Hồng T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường B, Quận A1 có ông Ngô Nhất Vũ là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ tài liệu đăng ký kê khai 3376 của ông Vũ Hồng T và Bản đồ địa chính năm 2002 thì phần đất ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L bị thu hồi thuộc tờ bản đồ số 2, thửa số 6. Ủy ban nhân dân Phường B vẫn giữ nguyên nội dung xác nhận pháp L đối với hồ sơ của ông Vũ Hồng T, bà Hồ Thị L và nhất trí với các quyết định mà Ủy ban nhân dân Quận A1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 ban hành.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị L trình bày:

Nhất trí nội dung cũng như yêu cầu mà ông T đã trình bày. Bà và ông Vũ Hồng T đã ly hôn, tài sản hai bên đã tự phân chia, bà đồng ý với yêu cầu của ông T là yêu cầu Tòa án xử hủy các quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 13/4/2011 của Ủy ban nhân dân Quận A1, Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 16/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1, yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 phải bồi thường thiệt hại do cưỡng chế trái pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HC-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận A1 đã quyết định như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hồng T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 13/4/2011 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L là chủ sử dụng căn nhà phường B, Quận A1; Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 16/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc cưỡng chế thu hồi đất và yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 bồi thường thiệt hại với số tiền 4.663.970.000 đồng do cưỡng chế trái pháp luật.

Chi phí tố tụng ông Vũ Hồng T chịu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 4/12/2019, ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hồng T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cũng như giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Người bị kiện không đồng ý yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hồng T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng trình tự Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hồng T là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L làm trong hạn luật định, đúng thủ tục nên được chấp nhận.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ông Vũ Hồng T khởi kiện yêu cầu Tòa án xử hủy Quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 13/4/2011 của Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với hộ ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L trong dự án xây dựng Công viên vòng xoay chân cầu Sài Gòn, Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 16/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc cưỡng chế thu hồi đất và yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận A1 lập 2 hồ sơ đền bù cho ông và bà Hồ Thị L, yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 phải bồi thường cho ông và bà Hồ Thị L số tiền 4.663.970.000 đồng tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Xét về hình thức của các quyết định bị kiện: Theo quy định của pháp luật về đất đai, việc ban hành quyết định về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với người bị thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân, nhưng trong Quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 13/4/2011 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L phân ký quyết định lại ghi Chủ tịch Ủy ban nhân dân là có sai sót. Tuy nhiên, đây là sai sót về mặt hình thức, không làm ảnh hưởng đến nội dung của Quyết định hành chính nhưng Ủy

ban nhân dân Quận A1 cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc soạn thảo các văn bản hành chính.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L là chủ sở hữu căn nhà có phường B, Quận A1 với diện tích đất là 616.43m². Ông Vũ Hồng T, bà Hồ Thị L đã ly hôn theo quyết định số 08/2007/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2007 của Tòa án nhân dân Quận A1. Trong phần quyết định, Tòa án nhân dân Quận A1 ghi nhận tài sản chung 2 bên tự thỏa thuận. Thực tế, ngày 02/01/2007, ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L đã tự phân chia nhà đất nêu trên, cụ thể: Ông Vũ Hồng T sử dụng 270m² đất và 1 phần phía trước căn nhà phường B, Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Hồ Thị L sử dụng khoảng 338 m² và 1 phần phía sau nhà phường B, Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, theo lời khai của ông Vũ Hồng T, bà Hồ Thị L thì sau khi phân chia nhà đất nêu trên, cả hai đều không đến trình báo hay kê khai với Ủy ban nhân dân phường B và đại diện Ủy ban nhân dân phường B cũng đã xác nhận việc này. Việc các bên tự phân chia tài sản là sự tự nguyện nhưng sau khi phân chia, các đương sự không đăng ký kê khai tại chính quyền địa phương là không đúng theo quy định của Luật Đất đai, mặt khác sự thỏa thuận phân chia tài sản giữa ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L diễn ra sau khi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định thu hồi đất vào năm 2001. Do đó, ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận A1 phải lập hai hồ sơ bồi thường cho ông Vũ Hồng T, bà Hồ Thị L là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L cho rằng Ủy ban nhân dân Quận A1 không ban hành quyết định thu hồi đất đối với nhà đất của ông, bà là trái pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy nhà đất của ông Vũ Hồng T, bà Hồ Thị L bị thu hồi theo Quyết định số 7754/QĐ-UB ngày 21/11/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Luật Đất đai năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 1998 và 2001 thì không quy định phải ban hành quyết định thu hồi đất cho từng hộ riêng lẻ. Đồng thời căn cứ Công văn số 361/BTNMT-ĐĐ ngày 30/01/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì trường hợp đất đã có quyết định thu hồi của Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp huyện không cần ra quyết định thu hồi đất riêng lẻ. Do đó, Ủy ban nhân dân Quận A1 không ban hành quyết định thu hồi nhà đất riêng cho ông Vũ Hồng T là không trái với quy định pháp luật.

Đối với ý kiến cho rằng phần diện tích đất bị thu hồi của ông Vũ Hồng T không nằm trong dự án quy hoạch Công viên vòng xoay chân cầu Sài Gòn mà nằm trong dự án đường nối Nguyễn Văn Hưởng và Trần Nãi. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ bản đồ vị trí để lập thủ tục giao-thuê đất tỉ lệ 1/4000 lập ngày 27/9/2001 của Sở Địa chính nhà đất thì phần diện tích nhà đất của ông Vũ Hồng

T nằm trong phần đất giao cho Công ty Quản L và Phát triển nhà Quận A1 để đầu tư dự án xây dựng Công viên vòng xoay chân cầu Sài Gòn, Quận A1 và xây dựng hệ thống đường giao thông công cộng theo qui hoạch Thành phố. Do đó, ý kiến trên của ông Vũ Hồng T là không có cơ sở.

Xét yêu cầu Tòa án hủy quyết định cưỡng chế số 894/QĐ-UBND ngày 16/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1: Người khởi kiện cho rằng Ủy ban nhân dân Quận A1 thực hiện cưỡng chế trong khi Tòa án nhân dân Quận A1 đang thụ L, giải quyết là sai pháp luật nên yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền là 4.663.970.000 đồng cho ông T và bà L.

Theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ, Điều 39 Luật Đất đai, Điều 32 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ, Điều 45 Quyết định 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 ban hành Quyết định cưỡng chế số 894/QĐ-UBND ngày 16/01/2012 và thực hiện Quyết định trên là phù hợp pháp luật, từ đó yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông Vũ Hồng T với số tiền 4.663.970.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận A1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 là có cơ sở.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Ông Vũ Hồng T đã nộp các khoản chi phí trên. Yêu cầu của ông Vũ Hồng T không được chấp nhận nên ông Vũ Hồng T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng mà ông Vũ Hồng T đã nộp.

[3] Về án phí: Ông Vũ Hồng T sinh năm 1957, trên 60 tuổi nên thuộc trường hợp người cao tuổi quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Vũ Hồng T được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí.

Bà Hồ Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 193, Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Bác kháng cáo của ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hồng T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 13/4/2011 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông Vũ Hồng T và bà Hồ Thị L là chủ sử dụng căn nhà phường B, Quận A1; Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 16/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 về việc cưỡng chế thu hồi đất và yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A1 bồi thường thiệt hại với số tiền 4.663.970.000 đồng do cưỡng chế trái pháp luật.

Chi phí tố tụng ông Vũ Hồng T phải chịu và đã nộp đủ.

2/Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Vũ Hồng T được miễn nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm cho ông Vũ Hồng T đã nộp theo biên lai số AD/2010/08405 ngày 10/3/2012 của Chi cục thi hành án dân sự Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Vũ Hồng T được miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Bà Hồ Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) bà L đã nộp theo biên lai số AA/2018/0027090 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

4/ Về hiệu lực: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận A1;
- Chi cục THADS Quận A1;
- TAND Quận A1;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thuận